

Số: 15/2023/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 19 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

1. Sửa đổi khoản 1, Điều 12 như sau:

“1. Hỗ trợ bằng tiền bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đối với đất chuyên trồng lúa nước 2 vụ; hỗ trợ bằng tiền bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đối với đất trồng lúa nước 1 vụ và đất nuôi trồng thủy sản; hỗ trợ bằng tiền bằng 01 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đối với các loại đất nông nghiệp còn lại trong Bảng giá đất nông nghiệp do của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp cùng loại tại địa phương theo quy định tại Điều 129 Luật Đất đai năm 2013”.

2. Sửa đổi khoản 5, bổ sung khoản 6, khoản 7, khoản 8, Điều 17 như sau:

“5. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ và thời gian chi trả tiền hỗ trợ đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, Điều 11 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT thì được hỗ trợ ổn định đời sống bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng/nhân khẩu; giá gạo tính hỗ trợ là giá gạo tẻ trung bình theo thời giá tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa bàn nơi có đất bị thu hồi theo thông báo giá của cơ quan có thẩm quyền.

Thời gian hỗ trợ bằng 3 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và bằng 6 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; việc hỗ trợ được chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

6. Hỗ trợ đối với nhà, công trình xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất cho các hộ dân sở tại mà khi xây dựng không có biên bản xử lý vi phạm về đất đai hoặc trật tự xây dựng của cấp có thẩm quyền (*không áp dụng cho các hộ dân mua đất, xây dựng công trình trái với mục đích sử dụng đất khi mua*).

a) Nhà, công trình xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất nông nghiệp hoặc đủ điều kiện bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất ở thì được hỗ trợ như sau:

Xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì được hỗ trợ bằng 80% đơn giá bồi thường nhà, công trình cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, trước thời điểm ban hành thông báo thu hồi đất để triển khai dự án mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ bằng 70% đơn giá bồi thường nhà, công trình cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; xây dựng sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 thì không được hỗ trợ.

b) Nhà, công trình xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất thì được hỗ trợ như sau:

Xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì hỗ trợ bằng 60% đơn giá bồi thường nhà, công trình cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, trước thời điểm ban hành thông báo thu hồi đất để triển khai dự án mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường nhà, công trình cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; xây dựng sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 thì không được hỗ trợ.

c) Trường hợp nhà, công trình quy định tại điểm a và điểm b khoản này, khi xây dựng mà có biên bản xử lý vi phạm về đất đai hoặc trật tự xây dựng của cấp có thẩm quyền (*trong biên bản có nội dung đình chỉ không được xây dựng hoặc yêu cầu phải tháo dỡ công trình trả lại nguyên trạng ban đầu*) thì không hỗ trợ.

d) Trường hợp nhà, công trình xây dựng không có trong đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức lập hoặc thuê đơn vị tư vấn xác định giá trị nhà, công trình theo thực tế, gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Đối với trường hợp sử dụng đất khác với mục đích sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (*trong nhóm đất nông nghiệp trừ đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng*), khi Nhà nước thu hồi đất có sự chênh lệch tăng về giá trị thì được xem xét hỗ trợ như sau:

a) Sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà có thay đổi về mục đích sử dụng đất khác với mục đích sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ bằng tiền; mức hỗ trợ bằng chênh lệch giá trị bồi thường giữa loại đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và loại đất theo hiện trạng đang sử dụng.

b) Sử dụng đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà có thay đổi về mục đích sử dụng đất khác với mục đích sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không được hỗ trợ.

8. Đối với trường hợp hộ gia đình (*không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp*) vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (*đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp*) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp trong hộ gia đình được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, cụ thể:

a) Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, định kỳ chi trả hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất:

Mức hỗ trợ ổn định đời sống được thực hiện hỗ trợ bằng tiền tương đương 30kg gạo trong 01 tháng/nhân khẩu. Giá gạo tính hỗ trợ là giá gạo tẻ trung bình

theo thời giá tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa bàn nơi có đất bị thu hồi theo thông báo giá của cơ quan có thẩm quyền; được chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Thời gian hỗ trợ: Thu hồi từ 30% trở lên diện tích đất nông nghiệp mà nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

b) Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Hỗ trợ bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 01 lần giá đất nông nghiệp cùng loại tại thời điểm thu hồi đất; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp cùng loại tại địa phương theo quy định tại Điều 129 Luật Đất đai năm 2013.”

Điều 2. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với những dự án, hạng mục dự án chưa ban hành Thông báo thu hồi đất theo quy định của pháp luật trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

2. Đối với những dự án, hạng mục dự án đã ban hành Thông báo thu hồi đất theo quy định của pháp luật trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2023.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô